

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Thuê thiết bị công nghệ thông tin

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo lập dự toán, xây dựng giá kế hoạch Gói thầu Thuê thiết bị công nghệ thông tin, với nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Tổ CNTT - Phòng Kế hoạch tổng hợp – Lầu 4 - Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, số điện thoại: 0292.3748371, Email: itbvndtpct@gmail.com
- Nội dung ghi ngoài bì thư báo giá: Gói thầu Thuê thiết bị công nghệ thông tin.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong thời gian 10 ngày, kể từ 08h ngày 30 tháng 6 năm 2026 đến trước 16h ngày 13 tháng 7 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày.

II. Các tài liệu kèm theo báo giá gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

III. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá: Danh mục yêu cầu báo giá chi tiết đính kèm phụ lục.
2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được giao nhận tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, địa chỉ số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.
3. Các thông tin khác (nếu có) ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Ông Huy Thanh

PHỤ LỤC

Kèm theo thư yêu cầu báo giá ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ Gói thầu Thuê thiết bị công nghệ thông tin .

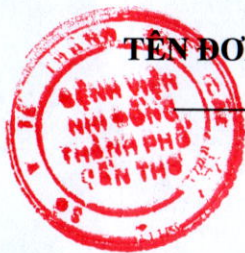
STT	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I.	HỆ THỐNG SERVER (SL-01)		
1	Dạng thiết bị: Máy chủ - Máy chủ dạng Rack 2U, bao gồm mặt nạ trước và bộ phụ kiện phòng chống xâm nhập Chassis Intrusion Detection để tránh các tác động vật lý không mong muốn lên phần cứng thiết bị và có sẵn Trusted Platform Module 2.0 Plus Black Rivets Kit Bộ xử lý: - ≥ 2 x Intel Xeon-Gold 6526Y 2.8G 16-core hoặc cao hơn Bộ nhớ đệm: - ≥ 32 khe cắm RAM - Gắn sẵn: ≥ 12 x 64GB(1x64GB) DDR5-5600 ECC Registered hoặc cao hơn - Dung lượng hỗ trợ tối đa ≥ 8TB - Hỗ trợ đầy đủ các công nghệ Advanced ECC, Online spare mode Ổ cứng, thiết bị đọc dữ liệu: - Khe cắm ổ cứng tối đa: ≥ 30 - Gắn sẵn: ≥ 2 x 480GB SATA, Read Intensive, SFF - ≥ 4 x 2.4TB SAS 12G 10K SFF HDD. Card quản lý đĩa cứng: - Gắn sẵn card RAID Controller NVMe/SAS 12G có 4GB Cache, hỗ trợ Tri-Mode - Phải hỗ trợ các RAID 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60 - Hỗ trợ ≥ 8 physical drives và ≥ 64 logical drives - Hoạt động đồng thời được RAID & HBA mode Card HBA - ≥ 02 x 32Gb 2-port Fibre Channel Host Bus Adapter, đi kèm 32Gb SFP+ Transceiver Card NIC: - ≥ 04 x 1Gb GE Base-T - ≥ 02 x 10Gb SFP+, đi kèm ≥ 02 x 10Gb SFP+ SR transceiver - Hỗ trợ gắn được các loại card hỗ trợ các kết nối tốc độ cao: 40Gb/50Gb/100Gb/200Gb Cổng kết nối: - ≥ 2 USB 3.2 Gen1, 2 USB 3.0, 1 USB 2.0 - Có tùy chọn mở rộng thêm: ≥ 1 x USB 2.0 - ≥ 2 x OCP NIC 3.0 - ≥ 8 x PCIe 5.0 slot Hỗ trợ gắn các card tăng tốc xử lý: - ≥ 8 x NVIDIA L4 24GB PCIe Accelerator - ≥ 3 x NVIDIA A100/A16/L40/H100 Quản trị: - Cung cấp khả năng quản lý từ xa thông qua cổng quản trị chuyên dụng.	Bộ	01

	- Đi kèm bản quyền phần mềm quản trị nâng cao hỗ trợ: Remote Console, virtual keyboard, Console record/playback, Virtual media/folders, 6 console support - Bao gồm hệ thống quản trị phân tích sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI/ML Management System hỗ trợ quản lý server, storage, và ảo hóa. Hỗ trợ các tính năng bảo mật: - Hỗ trợ chuẩn bảo mật CNSA Standard - Secure erase of NAND/User data - UEFI Secure Boot and Secure Start - Immutable Silicon Root of Trust - Ability to rollback firmware - Secure Recovery - FIPS 140-2 validation - Configurable for PCI DSS compliance - Tùy chọn Chassis Intrusion detection Nguồn: - $\geq 2 \times 800W$ hỗ trợ Hot Plug Bảo hành: - Tối thiểu 3 năm theo tiêu chuẩn của chính hãng sản xuất - Hãng sản xuất phải có trung tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam		
II.	HỆ THỐNG LƯU TRỮ DỮ LIỆU (SAN) (SL-01)		
1	Thiết bị lưu trữ chuyên dùng: Kiểu thiết kế: 2U 19-inch Rackmount Giao diện điều khiển: Web-based GUI Bộ điều khiển: Dual (Active/Active) Dung lượng : Gắn sẵn: 20 x 2.4TB 10K 2.5 Inch HDD Kết nối có sẵn: $\geq 4 \times 1$ Gb iSCSI $\geq 8 \times 16$ Gb Fiber Channel Đi kèm kèm dây kết nối Fiber Cable 5m, OM3 Hỗ trợ kết nối (tùy chọn): - 16 Gb/s Fibre Channel - 12 Gb/s SAS - 25 Gb/s iSCSI - 10 Gb/s iSCSI Bộ nhớ đệm: ≥ 64 GB IOPs tối đa: $\geq 400K$ IOPs Độ trễ thấp nhất: $< 70\mu s$ Băng thông tối đa: $\geq 8GB/s$ Ổ cứng hỗ trợ: - Kích thước 2.5inch: - 2.4 TB @ 10k rpm - Kích thước 3.5inch: - 8 TB, 12 TB, 16 TB, 20 TB @ 7.2k rpm - Ổ cứng tốc độ cao 2.5-inch: - 1.92 TB, 3.84 TB, 7.68 TB, 15.36 TB, 30.72 TB Số lượng ổ cứng hỗ trợ tối đa: Tối đa ≥ 400 ổ cứng mỗi tủ đĩa: - Tủ đĩa mở rộng SFF: 24 x 2.5-inch drives - Tủ đĩa mở rộng LFF: 12 x 3.5-inch drives - Tủ đĩa mở rộng High-density : 92 x 3.5-inch drives Số lượng tủ đĩa mở rộng hỗ trợ tối đa: - Tối đa 10 tủ đĩa mở rộng tiêu chuẩn trên mỗi controller - Tối đa 4 tủ đĩa mở rộng High-Density 3.5inch trên mỗi controller Mức độ bảo vệ RAID: Distributed RAID 1, 5 và 6. Quạt và Nguồn cấp điện: Dự phòng và thay thế nóng	Bộ	01

	Tính sẵn sàng: $\geq 99\%$ Tính năng nâng cao có sẵn: - Virtualization of internal storage - Data reduction pools with thin provisioning and UNMAP - One-way data migration Hỗ trợ 90 ngày dùng thử các tính năng: - Easy Tier - FlashCopy - Remote mirroring Quản trị - Hỗ trợ quản lý bằng phần mềm trên nền tảng đám mây sử dụng công nghệ AI - Hỗ trợ phần mềm quản lý và giám sát lưu trữ tập trung - Bản quyền phần mềm tính trên mỗi thiết bị lưu trữ, bao gồm gói dịch vụ bảo trì và cập nhật phần mềm năm đầu tiên - Đăng ký dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và cập nhật phần mềm từ chính hãng với thời hạn 03 năm cho phần mềm quản lý lưu trữ - Gói đăng ký dịch vụ hỗ trợ và nâng cấp phần mềm 03 năm, tính trên mỗi thiết bị lưu trữ - Đăng ký dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì phần mềm chính hãng thời hạn 03 năm cho phần mềm quản lý sao chép dữ liệu - Gói gia hạn và nâng cấp phần mềm chính hãng thời hạn 03 năm, áp dụng trên mỗi thiết bị lưu trữ - Cung cấp phần mềm/tính năng quản lý và điều khiển sao chép dữ liệu - Bản quyền phần mềm quản lý và điều khiển sao chép dữ liệu, tính trên mỗi thiết bị lưu trữ		
III.	THIẾT BỊ BACKUP (SL-01)		
1	Kiểu thiết kế: Rack 2U Bộ xử lý (CPU): Bộ xử lý đa nhân, tối thiểu 6 core/12 thread, xung nhịp boost tối thiểu 4.5 GHz, kiến trúc x86-64 Kiến trúc CPU: 64-bit x86 Đồ họa: Đồ họa tích hợp trên CPU, đủ khả năng xử lý xuất hình ảnh quản trị qua giao diện console/IPMI/web management Tính năng xử lý: * Hỗ trợ Floating Point Unit: Có * Encryption Engine: AES-NI Hỗ trợ tăng tốc mã hóa/giải mã video bằng phần cứng, hỗ trợ chuẩn AES-NI cho mã hóa dữ liệu Bộ nhớ (RAM): Dung lượng RAM khả dụng tối thiểu 16GB ≥ 4 khe cắm RAM: UDIMM DDR5 - Hỗ trợ mở rộng tối thiểu lên 192GB, tùy chọn hỗ trợ ECC Bộ nhớ Flash: ≥ 5GB, có cơ chế bảo vệ hệ điều hành dự phòng Khay ổ đĩa (Drive Bay): $\geq 12 \times 3.5$-inch SATA 6Gb/s, 3Gb/s Khả năng tương thích: 3.5-inch SATA hard disk drives 2.5-inch SATA solid state drives Cấu hình ổ cứng sẵn có: ≥ 3TB RAW SSD ≥ 240TB RAW SATA Khe cắm M.2: 2 x M.2 2280 PCIe x2 slots, hỗ trợ PCIe Gen4 hoặc cao hơn Tính năng lưu trữ: - Hỗ trợ Hot-swappable (Không hỗ trợ M.2 SSD)	Bộ	01

	Hỗ trợ SSD Cache Acceleration Hỗ trợ GPU pass-through Cổng mạng (NIC):Tối thiểu 2 cổng Ethernet tốc độ $\geq 2.5\text{Gbps}$ và tối thiểu 2 cổng Ethernet tốc độ $\geq 10\text{Gbps}$, hỗ trợ Jumbo Frame Khe cắm mở rộng:Tối thiểu 2 khe mở rộng PCIe Gen 4, hỗ trợ lắp thêm card mạng/card lưu trữ khi cần nâng cấp Cổng kết nối:2 x USB 3.2 Gen 2 (10Gbps) Type-A Hiển thị & Điều khiển: LED Indicators: Power Status, HDD 1-12, M.2 SSD 1-2, Status, LAN, storage expansion port status Buttons: Power, Reset Nguồn (PSU):$\geq 550\text{W}$, $\geq 100\text{V}$ Hệ thống làm mát: ≥ 3 System fan 60mm, 12VDC Bảo hành:Tối thiểu 5 năm theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất		
IV.	THIẾT BỊ CHUYÊN MẠCH MẠNG LƯU TRỮ (SL - 02)		
1	Kiểu thiết kế: Rack 1U Số lượng cổng (Ports): Hỗ trợ tối đa 24 cổng SFP+. Mặc định kích hoạt sẵn 08 cổng (8-port active). Có thể mở rộng bằng license Port-on-Demand (POD). Tốc độ cổng:32 Gbps Fibre Channel. Khả năng tự động nhận diện tốc độ (Auto-sensing):Hỗ trợ tự động nhận diện tốc độ 4, 8, 16, và 32 Gbps. Tổng băng thông switch (Aggregate bandwidth):768 Gbps (End-to-end full duplex). Độ trễ (Latency): < 900 nanoseconds (bao gồm cả FEC) với cơ chế cut-through switching tại tốc độ 32Gbps. Tính năng quản lý và công nghệ:Hỗ trợ Hardware Enforced Zoning, Frame Filtering, Web Tools, Access Gateway. Tích hợp sẵn phần mềm Zoning. Khả năng mở rộng (Scalability): Hỗ trợ kiến trúc Full-Fabric với tối đa 239 switch. Phần mềm quản lý:Hỗ trợ các giao thức và công cụ quản trị hệ thống bao gồm: HTTP, SNMP v1/v3, SSH, Auditing, Syslog, Web Tools, phần mềm quản lý và giám sát mạng lưu trữ tập trung chuyên dụng, CLI Bảo mật:DH-CHAP, FCAP switch authentication; HTTPS, IPsec, IP filtering, LDAP, RADIUS, TACACS+, RBAC, SSL Chẩn đoán:Chẩn đoán cáp và quang ClearLink; flow mirroring; built-in flow generator; giám sát nguồn và sức khỏe module quang Độ tin cậy (Availability):Nguồn tích hợp đơn, 4 quạt làm mát tích hợp (hỗ trợ thay thế nóng). Hỗ trợ Forward Error Correction (FEC).	Bộ	02
V.	THIẾT BỊ TƯỜNG LỬA (SI - 02)		
1	Thông lượng Firewall (App Control):Đáp ứng thông lượng firewall tối thiểu 6.0 Gbps Gbps khi kích hoạt đồng thời chức năng kiểm soát ứng dụng lớp 7 và ghi log đầy đủ Thông lượng Threat Prevention: Đạt thông lượng Threat Prevention tối thiểu 4.0 Gbps đáp ứng hoàn toàn khi kích hoạt đầy đủ các dịch vụ bảo mật sâu Số lượng Router ảo (Virtual Router): Hỗ trợ cấu hình phân tách tối thiểu 5 Virtual Router Remote Access VPN:Hỗ trợ kết nối đồng thời lên tới 1500 đường truyền mã hóa VPN (SSL & IPsec)	Bộ	02

Vùng bảo mật (Security Zone):Khả năng phân chia phân vùng an toàn lớp 7 tối đa 400 Security Zones Chính sách bảo mật (Security Rules):Hỗ trợ lưu trữ và xử lý tối đa 2500 chính sách an toàn thông tin Core CPU quản trị (Control Plane):Có cơ chế tách biệt tài nguyên xử lý giữa chức năng quản trị/giám sát hệ thống và chức năng xử lý dữ liệu (data plane) Core CPU dữ liệu (Data Plane):Thiết bị trang bị tối thiểu 3 Core CPU vật lý hiệu năng cao chỉ dùng cho mục đích quét dữ liệu và giải mã Bộ nguồn dự phòng:Trang bị sẵn 2 nguồn DC Power Supply Cổng đồng bộ RJ-45:Tích hợp sẵn ≥ 8 cổng RJ45 tốc độ kết nối 10/100/1000 Mbps Cổng quang SFP:Tích hợp sẵn 2 cổng quang SFP tốc độ 1Gbps Cổng quang SFP+:Tích hợp sẵn 2 cổng quang SFP+ tốc độ 10Gbps Cổng quản lý Out-of-band:Tích hợp sẵn 1 cổng Out-of-band Management RJ45 tốc độ 1Gbps độc lập Cổng Console RJ-45 & USB-C:Trang bị sẵn: - 01 cổng Console RJ-45 chuyên dụng - 01 cổng Console cổng USB-C thế hệ mới Giá đỡ thiết bị trong tủ Rack:Thiết bị có sẵn tai gắn tai tháo (Rackmount Ears) gắn mặt trước đi kèm theo hộp máy. Cáp nguồn C13-C14:Cung cấp cáp nguồn đồng bộ theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất tường lửa. Giao thức định tuyến động:Hỗ trợ định tuyến tĩnh, OSPFv2/v3, BGP và RIP nâng cao Kiểm soát người dùng và xác thực:Hỗ trợ nhận diện danh tính người dùng (user identification) tích hợp trực tiếp với Active Directory/LDAP theo cơ chế agentless Tăng tốc kết nối VPN, SSL/TLS:Đáp ứng tối ưu bằng kiến trúc tăng tốc mật mã hóa tích hợp giúp cải tiến hiệu năng giải mã SSL/TLS và mã hóa VPN. Cấu hình chính sách giải mã SSL:Hỗ trợ menu và chính sách giải mã SSL/TLS chuyên biệt, tách rời hoàn toàn khỏi luật Security Policy thông thường. Theo dõi và quản lý log giải mã SSL: Hỗ trợ bảng điều khiển giám sát, ghi nhật ký chuyên sâu và phân loại lưu lượng giải mã thành công/thất bại. Kiến trúc xử lý song song:Hỗ trợ kiến trúc xử lý lưu lượng theo cơ chế kiểm tra một lượt : tích hợp các chức năng an ninh trong cùng một luồng xử lý dữ liệu Chống khai thác lỗ hổng & Cobalt Strike: Có khả năng rà quét lỗ hổng, phát hiện và ngăn chặn botnet, trojan, cũng như các công cụ kiểm thử xâm nhập/khai thác phổ biến hoặc phân tích lưu lượng C2 IPS Inline Machine Learning:Hỗ trợ thuật toán Inline Machine Learning tích hợp trong lõi hệ điều hành rà soát lưu lượng và chặn đứng virus biến thể Zero-day tức thời. Cơ chế DNS Sinkhole:Hỗ trợ tự động chuyển hướng các truy vấn tên miền độc hại C2 về một địa chỉ IP nội bộ an toàn (DNS Sinkhole) để cô lập máy trạm nhiễm độc. Bản quyền License an toàn hệ thống (3 năm):Cung cấp tài liệu ủy quyền và thư xác nhận cấp License dịch vụ kỹ thuật chính hãng. Bảo hành & Hỗ trợ kỹ thuật 24/7:Cam kết cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 24/7 chính hãng và bảo hành thay thế phần cứng lỗi trong vòng 3 năm.	
--	---



TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở thư mời báo giá của Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị

STT	Tên hàng hóa/ Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa/ tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các DV liên quan	Thuế, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (VNĐ)
1												
2												
.....												
Tổng tiền:												

(Số tiền bằng chữ:.....)

*Ghi chú: Giá đã bao gồm thuế và các chi phí liên quan.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 6 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... .., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))